

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình  
Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đồng Đầm Bồi, thôn Tân Minh, thị  
trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 3994/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đồng Đầm Bồi, thôn Tân Minh, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn;*

*Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 93/TĐ-KTHT ngày 14/3/2022 về việc báo cáo kết quả thẩm định dự toán điều chỉnh công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đồng Đầm Bồi, thôn Tân Minh, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn (kèm theo Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 28/02/2022 của UBND thị trấn Triệu Sơn).*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đồng Đầm Bồi, thôn Tân Minh, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

#### **1. Khái quát về công trình**

Công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đồng Đầm Bồi, thôn Tân Minh, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn được Chủ tịch UBND huyện phê duyệt báo cáo

kinh tế - kỹ thuật tại Quyết định số 3994/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 với tổng dự toán là **14.829.324.000 đ.**

Trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB	1.500.000.000 đ
- Chi phí xây lắp	10.075.064.000 đ
- Chi phí thiết bị	1.257.126.000 đ
- Chi phí QLDA	282.275.000 đ
- Chi phí TVĐTXD	767.869.000 đ
- Chi phí khác	240.832.000 đ
- Chi phí dự phòng	706.158.000 đ

## 2. Lý do điều chỉnh

Công trình được Chủ tịch UBND huyện phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật tại Quyết định số 3994/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 4072/QĐ-UBND ngày 30/7/2021. Tuy nhiên, quá trình lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng không thành công và được Chủ tịch UBND thị trấn Triệu Sơn phê duyệt tại Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 về việc hủy kết quả đấu thầu gói thầu số 03. Đến nay, Chủ đầu tư tiếp tục tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng để triển khai thực hiện dự án. Thời điểm hiện tại các chế độ, chính sách, định mức xây dựng, giá vật liệu... đã thay đổi so với thời điểm được phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật; do đó, việc điều chỉnh dự toán xây dựng công trình là cần thiết.

## 3. Nội dung điều chỉnh

- Điều chỉnh định mức xây dựng công trình, quản lý dự án và tư vấn xây dựng theo quy định tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021.

- Điều chỉnh giảm trừ thuế VAT đối với một số loại vật liệu và một số ngành, nghề, dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ.

- Cập nhật giá nhân công, giá ca máy và giá vật liệu.

- Cập nhật chi phí GPMB theo phương án số 5651/PA-HĐBTGPMB ngày 13/10/2021.

## 4. Dự toán điều chỉnh

Giá trị dự toán sau điều chỉnh là **14.409.284.000 đồng**

*(Mười bốn tỷ, bốn trăm lẻ chín triệu, hai trăm tám mươi tư nghìn đồng)*

Trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB	433.407.000 đ
- Chi phí xây lắp	10.683.455.000 đ
- Chi phí thiết bị	1.260.853.000 đ
- Chi phí QLDA	309.826.000 đ

- Chi phí TVĐTXD	785.076.000 đ
- Chi phí khác	250.511.000 đ
- Chi phí dự phòng	686.156.000 đ

**5. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Năm 2022.**

**6. Các nội dung khác:** Thực hiện theo Quyết định số 3994/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đồng Đàm Bồi, thôn Tân Minh, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn.

**Điều 2.** Giao UBND thị trấn Triệu Sơn chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Ban QLDA ĐTXD huyện; Giám đốc kho bạc nhà nước Triệu Sơn; Chủ tịch UBND thị trấn Triệu Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Đức Kính**

## DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH

**CÔNG TRÌNH: HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU DÂN CƯ ĐỒNG ĐÀM BÓI,  
THÔN TÂN MINH, THỊ TRẤN TRIỆU SƠN, HUYỆN TRIỆU SƠN**

*Đơn vị tính: đồng*

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	Theo QĐ số 3994/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện	Dự toán điều chỉnh	Tăng (+) Giảm (-)
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>433.407.000</b>	<b>-1.066.593.000</b>
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	<b>10.075.064.000</b>	<b>10.683.455.000</b>	<b>608.391.000</b>
1	Giao thông	4.706.939.000	4.635.158.000	-71.781.000
2	Thoát nước	1.380.122.000	1.578.823.000	198.701.000
3	Cây xanh	587.349.000	577.862.000	-9.487.000
4	Cấp nước	508.458.000	544.909.000	36.451.000
5	Phần điện	2.892.196.000	3.346.703.000	454.507.000
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ THIẾT BỊ</b>	<b>1.257.126.000</b>	<b>1.260.853.000</b>	<b>3.727.000</b>
1	Mua sắm thiết bị	1.176.428.000	1.176.428.000	0
2	Lắp đặt thiết bị	40.142.000	42.792.000	2.650.000
3	Thí nghiệm, hiệu chỉnh	40.556.000	41.633.000	1.077.000
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>282.275.000</b>	<b>309.826.000</b>	<b>27.551.000</b>
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ TVĐTXD</b>	<b>767.869.000</b>	<b>785.076.000</b>	<b>17.208.000</b>
1	Khảo sát	50.559.000	50.559.000	0
2	Lập báo cáo KT-KT	366.709.668	366.709.668	0
3	Giám sát thi công xây dựng	258.526.142	273.643.069	15.116.927
4	Giám sát lắp đặt thiết bị	10.094.722	9.952.885	-141.837
5	Thẩm tra thiết kế BVTC và DT	39.091.248	39.091.248	0
6	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu TCXD	39.091.248	41.377.050	2.285.802
7	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu lắp đặt thiết bị	3.796.521	3.743.177	-53.343
<b>VI</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>240.832.000</b>	<b>250.511.000</b>	<b>9.679.000</b>
1	Thẩm định báo cáo KT-KT	1.408.786	1.408.786	0
2	Thẩm định HSMT và KQLCNT gói thầu TCXD	9.159.149	9.874.248	715.099
3	Thẩm định HSMT và KQLCNT gói thầu lắp đặt thiết bị	2.000.000	2.000.000	0
4	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	48.840.157	52.517.769	3.677.612
5	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	26.763.397	26.073.943	-689.454
6	Kiểm toán	97.096.757	92.927.532	-4.169.225
7	Chi phí nghiệm thu đóng điện	55.563.307	65.708.491	10.145.185
<b>VII</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>	<b>706.158.000</b>	<b>686.156.000</b>	<b>-20.002.000</b>
	<b>TỔNG CỘNG (I+II+...+VII)</b>	<b>14.829.324.000</b>	<b>14.409.284.000</b>	<b>-420.039.000</b>

*Mười bốn tỷ, bốn trăm lẻ chín triệu, hai trăm tám mươi bốn nghìn đồng chẵn.*